TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2025/DS-ST
Ngày: 11 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

2. Ông Bùi Tấn Đạt

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 11/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1036/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024, về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phát T, sinh năm: 2001; địa chỉ thường trú: Số A, đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 2 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0983.695.534

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1988; địa chỉ: C khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bà Dương Thị Bích T1, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ H, ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (02 Hợp đồng ủy quyền ngày 03/01/2025), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thuận Y, sinh năm: 1971; địa chỉ thường trú: Số A, đường D, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0909.444.433 – 0907.572.915, có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thanh V, sinh năm 2003; thường trú: Số A, đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 2 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0972.040.840, có đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Phát T và đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Dương Thị Bích T1 trình bày:

Cha anh T là ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1961, chết ngày 13/9/2024, theo Giấy báo từ số 18/UBND-GBT, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 14/9/2024. Anh T và cha là ông Nguyễn Thanh H1 sống tại số A, đường D, tổ A, khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Vợ của ông Nguyễn Thanh H1 là bà Lê Thuận Y, sinh năm 1971. theo trích lục ghi chú kết hôn số: 308/2024/TLGCHKH-BS của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/6/2024. Cả hai không có con chung. Lúc sinh thời, ông Nguyễn Thanh H1 và bà Lê Thuận Y có tạo lập khối tài sản chung bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở số DE 578237 số thửa 561, tờ bản đồ số 43, diện tích 102m², tọa lạc tại xã (nay là phường) A, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/6/2022 cho bà Lê Thuận Y. Anh T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H1 với bà Lê Thuận Y phần giá trị tạm tỉnh là 600.000.000 đồng, phần di sản của ông H1 là 300.000.000 đồng;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở số AM 562594, tọa lạc tại xã P, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương, số thửa 572, tờ bản đồ số 21 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/5/2021 cho bà Lê Thuận Y. Anh T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H1 với bà Lê Thuận Y phần giá trị tạm tính là 600.000.000 đồng, phần di sản của ông H1 là 300.000.000 đồng;

- Quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại số A, đường D, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Anh T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H1 với bà Lê Thuận Y phần giá trị tạm tính là 600.000.000 đồng, phần di sản của ông H1 là 300.000.000 đồng:

- Xe ôtô biển kiểm soát 61A-390.97, nhãn hiệu VENZA. Anh T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H1 với bà Lê Thuận Y phần giá trị tạm tính là 60.000.000 đồng, phần di sản của ông H1 là 30.000.000 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của anh T, anh T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một chia thừa kế nhà đất và xe trên cho anh T, chị V và bà Y mỗi người được 01 phần bằng nhau.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh H1 để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở số DE 578237, tạm tính phần nhà và đất là 300.000.000 đồng, tạm chia: 300.000.000 đồng: 3 = 100.000.000 đồng.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh H1 để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở số AM 562594, tọa lạc tại xã P, thị xã

(nay là thành phố), tỉnh Bình Dương, tạm tính phần nhà và đất là 300.000.000 đồng, tạm chia: 300.000.000 đồng: 3 = 100.000.000 đồng:

- Quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại số A, đường D, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, tạm tính phần nhà và đất là 300.000.000 đồng, tạm chia: 300.000.000 đồng: 3 = 100.000.000 đồng,

- Xe ôtô mang biển kiểm soát 61A-390.97, nhãn hiệu VENZA. Tạm tính phần giá trị của xe là 30.000.000 đồng, tạm chia: 30.000.000 đồng: 3 = 10.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản anh T yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Thanh H1 là 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng).

Ngày 11/5/2025, ông T nộp đơn đề nghị rút 01 phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi như sau: Ông T rút yêu cầu chia thừa kế đối với 02 thửa đất số 561, tờ bản đồ số 43, diện tích 102m², tọa lạc tại xã (nay là phường) A, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương và thửa 572, tờ bản đồ số 21 xã P, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương; thay đổi yêu cầu chia thừa kế như sau: Chia thừa kế cho anh T, chị V:

- Căn nhà tọa lạc tại Số A, đường D, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, giá trị căn nhà tạm tính là 600.000.000 đồng, phần di sản của ông H1 là 300.000.000 đồng: 2 = 150.000.000 đồng.

- Xe ôtô mang biển kiểm soát 61A-390.97, nhãn hiệu Toyota, giá trị tạm tính 60.000.000 đồng, phần di sản của ông H1 là 30.000.000 đồng: 2 = 15.000.000 đồng.

- Tại Bản tự khai đề ngày 10/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thuận Y trình bày:

Trước đây, bà Y và ông Nguyễn Thanh H1 là vợ chồng, kết hôn nhau năm 2012. Khi bà Y và ông H1 sống chung thì bà Y và ông H1 nuôi dưỡng anh T và chị V. Thời điểm đó, anh T mới 10 tuổi, chị V được 8 tuổi do mẹ ruột của anh T, chị V là Phùng Thị Ngọc P đang chấp hành hình phạt tù nên nhờ ông H1 và bà Y nuôi dưỡng.

Ngày 12/02/2019, bà Y và ông H1 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một. Sau khi ly hôn, ông H1 đi chơi lung tung, không nuôi dưỡng anh T, chị V nên bà Y nuôi thêm 02 năm chờ mẹ của anh T, chị V ra tù thì nhận lại nuôi.

Bà Y thống nhất tờ tường trình quan hệ nhân thân ngày 23/10/2024 của anh T giao nộp cho Tòa án về quan hệ huyết thống của ông Nguyễn Thanh H1 và thời điểm ông H1 chết.

Căn nhà tại địa chỉ Số A, đường D, KDC K, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương mà anh T tranh chấp được xây dựng trong thời hôn nhân của bà Y và ông H1 nhưng xây dựng trên thửa đất riêng của bà Y được ông H1 thừa nhận. Căn nhà này được xây dựng năm 2016, là tài sản riêng của bà Y do bà Y bỏ tiền ra xây dựng, đứng tên trong giấy phép xây dựng. Ông H1 không có hộ khẩu tại địa chỉ căn nhà tranh chấp mà hộ khẩu ở Quận D, TP .. Thời điểm đó, bà

Y và ông H1 không viết giấy cam kết căn nhà là tài sản chung vì ông H1 có nói đất là tài sản riêng rồi thì căn nhà cũng vậy nên không cần thiết do là vợ chồng nên bà Y cũng tế nhị không yêu cầu viết cam kết.

Đối với chiếc xe ôtô hiệu Toyota, số loại Venza, biển số 61A-390.97, bà Y thừa nhận là tài sản chung của bà Y và ông H1. Khi ra Tòa ly hôn, bà Y và ông H1 có thỏa thuận tự phân chia tài sản trong nhà và chiếc ôtô trên. Số tiền ông H1 yêu cầu bà Y chia cho ông H1 là 2.000.000.000 đồng nhưng bà Y không đồng ý. Bà Y chỉ đưa cho ông H1 1.000.000.000 đồng nhưng do lâu ngày nên bà Y làm thất lạc giấy tờ đưa tiền phân chia tài sản với ông H1. Do không có giấy tờ chứng minh chiếc xe ôtô bà Y đã thanh toán cho ông H1 nên bà Y đồng ý chia thừa kế chiếc xe trên. Bà Y yêu cầu được nhận xe, thanh toán giá trị tài sản cho anh T, chị V.

- Tại Bản tự khai đề ngày 11/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh V trình bày:

Anh Nguyễn Phát T là anh ruột của chị V, vừa qua anh T có khởi kiện bà Y để yêu cầu chia di sản của cha chị V là ông Nguyễn Thanh H1 chết để lại.

Lúc sinh thời cha chị V là ông Nguyễn Thanh H1 và bà Lê Thuận Y có tạo lập khối tài sản chung bao gồm:

- Căn nhà tọa lạc tại Số A, đường D, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H1 với bà Lê Thuận Y phần giá trị tạm tính là 600.000.000 đồng, phần di sản của ông H1 là 300.000.000 đồng;

- Xe ôtô mang biển kiểm soát 61A-390.97, nhãn hiệu Toyota. Chị V yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H1 với bà Lê Thuận Y phần giá trị tạm tính là 60.000.000 đồng, phần di sản của ông H1 là 30.000.000 đồng.

Tổng giá trị di sản chị V yêu cầu được chia là 330.000.000 đồng, chị V và anh T yêu cầu chia các giá trị tài sản trên thành 02 phần bằng nhau, mỗi người được chia phần di sản của cha chị V số tiền là 165.000.000 đồng.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế tài sản đối với 02 thửa đất số 561, tờ bản đồ số 43, diện tích 102m², tọa lạc tại xã (nay là phường) A, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương và thửa 572, tờ bản đồ số 21 xã P, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương; yêu cầu bị đơn chia tài sản chung của bị đơn và ông Nguyễn Thanh H1 theo tỷ lệ 5/5 và chia thừa kế tài sản phần tài sản của ông H1 được chia cho anh T và chị V thành 02 phần, mỗi người tương đương số tiền 293.280.000 đồng (trong đó căn nhà 193.280.000 đồng, xe ôtô 100.000.000 đồng). Nguyên đơn không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Bị đơn giao nộp cho Tòa án Hợp đồng xây dựng căn nhà, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền mua vật tư xây dựng, trang trí căn nhà, quyết định xử phạt vi phạm hành chính do xây dựng nhà phạm chỉ giới xây dựng, biên lai nộp phạt… và trình bày những giấy tờ, tài liệu trên là chứng cứ chứng minh căn nhà là tài sản

riêng của bà Y. Bà Y không đồng chia căn nhà, đồng ý chia chiếc xe nhưng tính công sức cho bà Y.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh V có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt chị V.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Ngày 11/5/2025, nguyên đơn có đơn xin rút một yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế các quyền sử dụng đất, chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với căn nhà tọa lạc trên phần đất tọa lạc tại số A, đường D, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS449985 do UBND thành phố T cấp ngày 04/8/2014 cho bà Lê Thuận Y và ôtô con mang biển kiểm soát 61A-390.97, nhãn hiệu VENZA theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Công an tỉnh B cấp ngày 01/8/2017 đứng tên chủ sở hữu bà Lê Thuận Y. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Ông Nguyễn Thanh H1 và bà Lê Thuận Y trước đây là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Theo quyết định, tài sản chung ông H1, bà Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, ông H1 đã chết, người thừa kế của ông H1 là nguyên đơn ông Nguyễn Phát T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông H1 chết để lại trong khối tài sản chung với bà Lê Thuận Y là 01 xe ô tô con nhãn hiệu VENZA biển kiểm soát 61A-390.97 và căn nhà cấp 3 kết cấu 01 trệt, 01 lầu có tổng diện tích sàn qua đo đạc thực tế là 188,6m^2 gắn liền với thửa đất thuộc Lô 0-Ô06, tờ bản đồ số 28-1 tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất thừa nhận xe ôtô con nhãn hiệu VENZA biển kiểm soát 61A-390.97 là tài sản chung của ông H1 và bà Y tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân và chưa được thỏa thuận phân chia khi ly hôn. Sự thừa nhận này là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, mỗi người sẽ được hưởng ½ giá trị tài sản

Đối với căn nhà, các đương sự đều thống nhất thừa nhận căn nhà được xây dựng trên phần đất thuộc tài sản riêng của bà Lê Thuận Y nhưng không thống nhất được về nguồn gốc hình thành căn nhà tranh chấp. Phía nguyên đơn cho rằng căn nhà là tài sản chung của ông H1 và bà Y tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu chia tài sản chung, còn bà Y cho rằng đây là tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia.

Về nguồn tiền xây dựng căn nhà, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thừa nhận không có chứng cứ chứng minh nguồn tiền xây dựng nhà là do ông H1

bỏ ra lúc còn sống và ông H1 không có hộ khẩu tại địa chỉ số A, đường D, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà Y tuy thừa nhận căn nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân nhưng cho rằng nguồn tiền xây dựng nhà là do bà Y bỏ ra. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì bà Y cũng không có chứng cứ chứng minh nguồn tiền xây dựng căn nhà là do một mình bà Y bỏ ra. Như vậy, cả hai bên đương sự đều không có chứng cứ chứng minh nguồn tiền xây dựng căn nhà tranh chấp là do mình bỏ ra. Bà Y không có chứng cứ chứng minh bà Y và ông H1 đã có văn bản thỏa thuận phân chia căn nhà là tài sản riêng của bà Y khi ly hôn nên không có căn cứ cho rằng căn nhà là tài sản riêng của bà Y. Việc ông H1 không đăng ký hộ khẩu thường trú tại căn nhà tranh chấp chỉ liên quan đến quyền cư trú, quản lý dân cư và không phải là căn cứ pháp lý để xác định quyền sở hữu tài sản. Do căn nhà được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông H1 và bà Y nên có cơ sở xác định đây là tài sản chung của ông H1 và bà Y tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân.

Theo Giấy phép xây dựng số 2051/GPXD-UBND ngày 15/8/2016 của UBND thành phố T, tổng diện tích sàn xây dựng bà Lê Thuận Y1 được cấp phép xây dựng là 163,11m² (tầng 1 là 76,16m² và tầng 2 là 86,59m²) nhưng theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2025 của Tòa án và M trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T xác lập ngày 20/3/2025 thì diện tích căn nhà qua đo đạc thực tế là 188,6m^2, tăng so với diện tích xây dựng được cấp là 25,5m^2 và trong tổng diện tích xây dựng có 37,6m^2 phạm CGXD. Như vậy, diện tích xây dựng qua đo đạc thực tế không phù hợp với giấy phép xây dựng được cấp phép, tại thời điểm xây dựng chủ sở hữu công trình đã bị xử phạt hành chính và bà Y cam kết sẽ tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm. Do đó, có cơ sở xác định căn nhà thuộc quyền sở hữu chung của ông H1, bà Y có diện tích theo giấy phép xây dựng là 163,11m².

Về công sức đóng góp, nhận thấy: Nguồn gốc lô đất Lô 0-Ô06, tờ bản đồ số 28-1 tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để xây dựng căn nhà là tài sản riêng của bà Y nên bà Y có đóng góp nhiều hơn so với ông H1. Do đó, cần chia cho cho bà Y được hưởng 70% giá trị tài sản và ông H1 được hưởng 30% giá trị tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, di sản ông H1 chết để lại là 1/2 giá trị xe ô tô và 30% giá trị căn nhà.

Về hàng thừa kế: Các bên đương sự đều thống nhất xác định ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1961 (chết năm 2024) có cha là ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1930 (chết năm 1990) và mẹ là bà Lê Thị C, sinh năm 1938 (chết năm 2020). Ông H1 có 02 người vợ là bà Nguyễn Thúy P1 và bà Lê Thuận Y nhưng đều đã ly hôn. Ông H1 và bà Nguyễn Thúy P1 có 02 người con chung là ông Nguyễn Phát T và bà Nguyễn Thanh V. Ông H1 và bà Lê Thuận Y không có con chung. Ngoài ra, ông H1 không có người con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Như vậy, hàng thừa kế theo pháp luật của ông H1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm ông Nguyễn Phát T và bà Nguyễn Thanh V. Do ông H1 chết không để lại di chúc nên nguyên đơn ông Nguyễn Phát T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H1 chết để lại trong khối tài sản chung với bà Y là có cơ sở chấp nhận.

Về phân chia di sản thừa kế, nhận thấy: Hiện nay, chiếc xe ô tô con và căn nhà tranh chấp đang do bà Y quản lý, sử dụng, các đồng thừa kế của ông H1 yêu cầu được nhận bằng giá trị nên cần tiếp tục giao chiếc xe ô tô con và căn nhà tranh chấp cho bà Y quản lý, sử dụng, bà Y có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị cho những người thừa kế của ông H1. Phần di sản của ông H1 được chia đều thành 02 kỷ phần cho ông Nguyễn Phát T và bà Nguyễn Thanh V.

- Sau khi Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, đại diện nguyên đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên, yêu cầu bị đơn chia tài sản chung căn nhà và chiếc xe ôtô theo tỷ lệ 7/3, bà Y 7 phần, ông H1 3 phần, tương đương số tiền 215.968.000 đồng (trong đó giá trị căn nhà là 115.968.000 đồng, giá trị xe ôtô là 100.000.000 đồng). Tuy nhiên, bị đơn bà Lê Thuận Y không đồng ý chia căn nhà theo tỷ lệ 7/3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đối tượng tranh chấp liên quan đến bất động sản tọa lạc tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận và thống nhất nhau về quan hệ huyết thống, nhân thân của ông Nguyễn Thanh H1 như sau: ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1961 (chết năm 2024) có cha là ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1930 (chết năm 1990) và mẹ là bà Lê Thị C, sinh năm 1938 (chết năm 2020). Ông H1 có 02 người vợ là bà Nguyễn Thúy P1 và bà Lê Thuận Y nhưng đều đã ly hôn. Ông H1 và bà Nguyễn Thúy P1 có 02 người con chung là anh Nguyễn Phát T (nguyên đơn) và chị Nguyễn Thanh V. Ông H1 và bà Y không có con chung. Ngoài ra, ông H1 không có người con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm có anh Nguyễn Phát T và chị Nguyễn Thanh V. Sự thừa nhận, thống nhất trên là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, Tòa án xác định được các tài sản tranh chấp như sau:

- 01 căn nhà có địa chỉ tại số A, đường D, KDC K, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương gắn liền thửa đất số Lô O- Ô06, tờ bản đồ số 28-1, diện tích 104,06 m^2 đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BS

449985, số vào sổ CH05516 cho bà Lê Thuận Y ngày 04/8/2024. Căn nhà trên là nhà ở riêng lẻ có 02 tầng. Tầng 1, diện tích: 89,2 m^2 (trong đó có 15,3 m^2 phạm chỉ giới xây dựng). Tầng 2, diện tích: 99,4 m^2 (trong đó có 22,3 m^2 phạm chỉ giới xây dựng). Căn nhà hiện nay, bà Y đang quản lý, sử dụng.

- 01 xe ôtô nhãn hiệu Toyota, số loại Venza, màu vàng, biển số 61A-390.97, hiện trạng xe còn mới, nội, ngoại thất sạch đẹp, đề máy nổ, ODO 101.372 km. Chiếc xe hiện nay, bà Y đang quản lý, sử dụng.

Căn cứ Biên bản định giá ngày 18/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T, xác định:

- Căn nhà có giá 6.400.000 đồng/m^2 x 80% giá trị sử dụng còn lại.

- Chiếc xe ô tô biển số 61A-390.97 có giá: 400.000.000 đồng.

[4] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Ông H1 chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 là anh T, chị V. Anh T khởi kiện bà Y yêu cầu chia tài sản chung của ông H1 và chia thừa kế di sản của ông H1 chết để lại là phù hợp các điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.1] Xét yêu cầu chia thừa kế giá trị chiếc xe ôtô của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Y thừa nhận chiếc xe trên là tài sản chung giữa bà Y và ông H1 và đồng ý chia đôi chiếc xe trên mỗi người 200.000.000 đồng nhưng yêu cầu chia số tiền thừa kế của ông Hoàng T3 03 phần, bà Y, anh T và chị V mỗi người khoảng 66.666.000 đồng do bà Y có công sức gìn giữ, sửa chữa chiếc xe trên. Bà Y yêu cầu được nhận xe thanh toán giá trị xe cho anh T, chị V. Xét thấy, từ khi ông H1 chết đến nay bà Y không giao nộp được chứng cứ sửa chữa chiếc xe trên, bà Y quản lý sử dụng chiếc xe trên để phục vụ cho bản thân và gia đình bà Y, có lợi cho bà Y nên Tòa không chấp nhận chia phần công sức gìn giữ, quản lý chiếc xe trên cho bà Y, buộc bà Y chia cho anh T, chị V mỗi người 100.000.000 đồng.

[4.2] Xét yêu cầu chia thừa kế giá trị căn nhà của nguyên đơn, thấy rằng:

Theo Giấy phép xây dựng số 2051/GPXD-UBND ngày 15/8/2016 của UBND thành phố T, tổng diện tích sàn xây dựng là 163,11m² (tầng 1 là 76,16m² và tầng 2 là 86,95m²). Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2025 của Tòa án và M trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T xác lập ngày 20/3/2025 thì diện tích căn nhà qua đo đạc thực tế là 188,6m^2, tăng so với diện tích xây dựng được cấp là 25,5m^2, có 37,6m^2 phạm CGXD. Phần xây dựng phạm CGXD, bà Y đã bị UBND thành phố T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng và buộc tháo dỡ. Bà Y đã cam đoan tháo dỡ nếu có yêu cầu của cơ quan chức năng. Như vậy, diện tích căn nhà nguyên đơn tranh chấp là 151m^2 (188.6 m^2 - 37,6m^2 phạm CGXD). Giá trị căn nhà là: 773.120.000 đồng (151 m² x 6.400.000 đồng x 80% giá trị sử dụng còn lại).

Xét thấy, căn nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân, bà Y không chứng minh được căn nhà là tài sản riêng của bà Y như việc chứng minh quyền sử dụng đất của căn nhà là tài sản riêng của bà Y; tất cả các giấy tờ tài liệu bà Y giao nộp tại phiên tòa chỉ có căn cứ xem xét đánh giá công sức của bà Y trong việc tạo lập căn nhà, không phải căn cứ để xác định căn nhà là tài sản riêng của bà Y; mặt khác, nếu ông H1 thừa nhận căn nhà là tài sản riêng của bà Y thì sau khi ly hôn lẽ

ra bà Y phải yêu cầu ông H1 viết cam kết căn nhà tài sản riêng của bà Y như đã từng viết cam kết đối với quyền sử dụng đất của căn nhà. Ngược lại, sau khi ly hôn với ông H1, bà Y vẫn đồng ý cho hai con riêng của ông H1 là anh T, chị V tiếp tục sinh sống trên căn nhà tranh chấp, ông H1 vẫn còn đi lại sinh sống và chết tại căn nhà tranh chấp (BL 02) là có đủ căn cứ xác định căn nhà tranh chấp là tài sản chung của bà Y và ông H1 chưa chia.

Theo chứng cứ các bên giao nộp và không giao nộp được, Tòa có căn cứ xác định công sức tạo lập nên căn nhà của bà Y nhiều hơn ông H1 nên thống nhất ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chia tài sản chung là căn nhà thành 7/3, bà Y 7 phần, ông H1 3 phần. Phần của ông H1 tương đương số tiền 231.936.000 đồng được chia thừa kế cho anh T và chị V mỗi người được số tiền 115.968.000 đồng.

[5] Từ những nhận định trên xét thấy ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền 5.226.000 đồng, mỗi người chịu 1/3 số tiền trên tương đương 1.742.000 đồng. Anh T đã nộp xong. Bà Y, chị V mỗi người thanh toán cho anh T số tiền 1.742.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Tài, chị V chịu số tiền 10.798.000 đồng. Anh T được trừ vào số tiền 7.750.000 đồng đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008534 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, anh T còn nộp thêm số tiền 3.048.000 đồng.

- Bà Y chịu số tiền 33.647.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các điều 92, 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 33, 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 213, 611, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phát T đối với bị đơn bà Lê Thuận Y về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

- Chia cho bà Y 01 căn nhà 01 trệt, 01 lầu có địa chỉ tại Số A, đường D, KDC K, Tổ A, Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn nhà tọa lạc

trên thửa đất số Lô O-Ô06, tờ bản đồ số 28-1, diện tích 104,06 m^2 đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BS 449985, số vào sổ CH05516 cho bà Lê Thuận Y ngày 04/8/2024 (kèm theo sơ đồ vị trí căn nhà).

- Chia cho bà Y 01 chiếc xe ôtô nhãn hiệu Toyota, loại xe ô tô con, số loại Venza, màu sơn vàng, biển số 61A-390.97, số khung 4T3ZA3BB6AU022747, số máy 1AR0221780 đã được Phòng C1 Công an tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010388 ngày 17/3/2025 cho bà Lê Thuận Y.

Bà Y có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Phát T và chị Nguyễn Thanh V, mỗi người số tiền 215.968.000đ (hai trăm mười lăm triệu, chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện tranh chấp thừa kế của nguyên đơn đối 02 thửa đất số 561, tờ bản đồ số 43, diện tích 102m², tọa lạc tại xã (nay là phường) A, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương và thửa 572, tờ bản đồ số 21 xã P, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Y, chị V mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho anh T số tiền 1.742.000đ (một triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Phát T chịu số tiền 10.798.000đ (mười triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng). Anh T được trừ vào số tiền 7.750.000đ (bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008534 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, anh T còn nộp thêm số tiền 3.048.000đ (ba triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

- Bà Lê Thuận Y chịu số tiền 33.647.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

- Chị Nguyễn Thanh V chịu số tiền 10.798.000 đồng (mười triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình